ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ TÂN THỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03 /QĐ-UBND	*Tân Thịnh, ngày 05 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN THỊNH

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Nghị định số 130 ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về quy định về chế độ tự chủ trách nhiệm về xử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính;

Căn cứ Thông tư liên tịchsố 71/2014/TTLT-BTC - BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ tài chính - Bộ Nội vụquy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 7299/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND huyện Định Hóa về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 huyện Định Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số: 53 /NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của HĐND xã Tân Thịnh khoá XXIII kỳ họp thứ chín nhiệm kỳ 2021-2026 về phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, xã Tân Thịnh

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch UBND xã Tân Thịnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn xã Tân Thịnh.

Sau khi thảo luận và thống nhất giữa Đảng ủy-HĐND-UBND, các ngành đoàn thể và Công đoàn cơ sở xã Tân Thịnh;

Theo đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán xã Tân Thịnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này là quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024, của UBND xã Tân Thịnh.

Điều 2. Các bộ phận được sử dụng ngân sách xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân cổng tổ chức thực hiện theo quy định. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024, trong quá trình thực hiện nếu chế độ chính sách của Nhà nước có thay đổi thì quy chế này sẽ được điều chỉnh bổ sung cho phù hợp.

Điều3. Công chức Văn phòng-Thống kê, Công chức Tài chính - Kế toán, các ngành, đoàn thể có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Kho bạc Nhà nước huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- TTĐU-HĐND xã;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Các ngành, đoàn thể, chuyên môn;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ TÂN THỊNH H.ĐỊNH HÓA T.THÁI NGUYÊN

Hoàng Văn Hòa

QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số:03/QĐ-UBND ngày 05/01/2024của UBND xã Tân Thịnh)

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ xây dựng quy chế:

Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Nghị định số 130 ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về quy định về chế độ tự chủ trách nhiệm về xử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước;

Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính;

Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính Phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/ 5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động; Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;

Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng chính phủ về quy định tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc thiết bị;

Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Thông tư liên tịchsố 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ tài chính - Bộ Nội vụquy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Thông tư số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Liên Bộ nội vụ - Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ Tài Chính về Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở;

Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chi Tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệpbằng vốn nhà nước; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Thông tư số 63/2017/TT-BTC ngày 19/6/2017 của Bộ Tài Chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;

Thông tư số 121/2017/TT-BTC ngày 15/11/2017 của Bộ Tài Chính quy địnhquản lý và sử dụng kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới đô thị văn minh";

Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

Thông tư số 168/2021/TT-BQP ngày 18/12/2021 của Bộ quốc phòng quy định tiêu chuẩn, định lượng ăn và mức tiền ăn cơ bản bộ binh, quân chủng, binh chủng, bệnh nhân điều trị, học viên quân sự quốc tế; ăn thêm ngày lễ tết, khi làm nhiệm vụ; chế độ ăn, bồi dưỡng hàng năm;

Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND tỉnh Thái Nguyên ngày 08/12/2018 về việc ban hành quy định mức chi hỗ trợ một số chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên;

Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định chính sách hỗ trợ lực lượng nhân viên, cộng tác viên thú y cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Nghị quyết số 01/2021/NQ- H/ĐND ngày 23/03/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Thái Nguyên thông qua đề án xây dựng lực lượng dân quân tự vệ tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-202, tầm nhìn 2035;

Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên Ban hành quy định nội dung, mức chi phục vụ hoạt động của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên Quy định số lượng, mức phụ cấp đối với lực lượng Công an xã bán chuyên trách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định mức chi hỗ trợ thực hiện cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 Quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 10/5/2023 của HĐND tỉnh Thái Nguyên Quy định chính sách hỗ trợ đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy và người cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh Thái Nguyên Quy định chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xóm, tổ dân phố; số lượng, mức phụ cấp, mức hỗ trợ, mức chi bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 05/11/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định việc thực hiện chế độ công tác phí, chế độ hội nghị đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên;

Hướng dẫn số 3711/HDLN-BCH-SNV-STC-SLĐTB&XH-SKH&ĐT-SYT-BHXH ngày 11/10/2023 của Bộ CHQS tỉnh Thái Nguyên - Sở Nội vụ - Sở Tài chính - Sở

Lao động TB&XH - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sơ Y tế - Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên hướng dẫn thực hiện đề án xây dựng Lực lượng dân quân tự vệ tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2035;

Quyết định số 7299/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND huyện Định Hóa về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 huyện Định Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số: 53 /NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của HĐND xã Tân Thịnh khoá XXIII kỳ họp thứ chín nhiệm kỳ 2021-2026 về phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, xã Tân Thịnh.

Điều 2. Mục tiêu xây dựng quy chế:

- Tạo điều kiện cho các đơn vị sử dụng ngân sách chủ động sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính một cách hợp lý nhất để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện quyền tự chủ đồng thời gắn với trách nhiệm của Lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

- Tạo quyền chủ động trong việc quản lý và chi tiêu tài chính trong đơn vị.

- Tạo quyền chủ động cho cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Là căn cứ để quản lý, thanh toán các khoản chi tiêu trong đơn vị, thực hiện kiểm soát của Kho bạc Nhà nước; cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo quy định.

- Sử dụng tài sản đúng mục đích và có hiệu quả.

- Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí; công bằng trong đơn vị; khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi.

Điều 3. Phạm vi, đối tượng, nguyên tắc xây dựng quy chế:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về chế độ, định mức, chứng từ quyết toán, trình tự thủ tục và thời gian quyết toán kinh phí từ ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng điều chỉnh: Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp được Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã giao dự toán chi hoạt động từ ngân sách nhà nước bao gồm: Cán bộ, công chức, Mặt trận Tổ quốc, Hội nông dân, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên, Ban chỉ huy quân sự, Công an xã,Văn phòng Đảng ủy, Hội chữ thập đỏ, Hội người cao tuổi, các hội đặc thù, người hoạt động không chuyên trách trong các tổ chức được nêu trên, người hoạt động không chuyên trách ở xóm, người trực tiếp tham gia hoạt động ở xóm trên địa bàn xã Tân Thịnh.

3.Quy chế được xây dựng bảo đảm những nguyên tắc chung sau đây:

*Bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

*Các nội dung, mức chi không được vượt quá chế độ quy định hiện hành do các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Thực hiện công khai, dân chủ và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức.

- Những nội dung chi cần thiết phục vụ cho hoạt động của UBND xã nhưng Nhà nước chưa ban hành chế độ thì UBND xã có thể xây dựng mức chi cho từng nhiệm vụ, nội dung công việc trong phạm vi nguồn tài chính của xã.

- Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ: việc chi tiêu của xã phải đảm bảo đúng định mức và trong phạm vi nguồn ngân sách được giao, đảm bảo có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước trong quá trình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước được giao và quyết toán ngân sách Nhà nước theo đúng chế độ quy định. Các nội dung thực hiện khoán bằng tiền, chứng từ được thực hiện theo quy định của Quy chế này và các văn bản hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính.

- Đảm bảo nguồn tài chính để đáp ứng mọi nhu cầu hoạt động bình thường của đơn vị, sử dụng kinh phí tiết kiệm và có hiệu quả trên cơ sở định mức và chế độ tài chính hiện hành phù hợp với đặc thù của đơn vị để hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

- Căn cứ nội dung, yêu cầu và hiệu quả công việc, trong phạm vi nguồn tài chính được sử dụng, Thủ trưởng đơn vị được quyết định các mức chi quản lý, chi nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu thực tế và khả năng tài chính hiện có.

- Các khoản chi thường xuyên phục vụ cho các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao được thực hiện mức khoán cao hơn hoặc thấp hơn tùy theo khả năng tài chính hiện có của đơn vị.

- Các khoản chi không thường xuyên kể ở dưới đây không được thực hiện theo quy chế, mà phải chi theo quy định hiện hành của Nhà nước:

+ Tiêu chuẩn, định mức về nhà làm việc;

+ Tiêu chuẩn, định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động;

+ Chế độ tiếp khách nước ngoài;

+ Chế độ quản lý, sử dụng kinh phí các chương trình mục tiêu Quốc gia;

+ Chế độ sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao;

+ Chế độ quản lý, sử dụng vốn đối ứng dự án, vốn viện trợ thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước;

+ Chế độ quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kinh phí mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định phục vụ hoạt động sự nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Chi thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức...;

+ Chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 4. Sử dụng kinh phí.

- Nguồn kinh phí quản lý hành chính thực hiện chế độ tự chủ:

a) Ngân sách cấp;

b) Các khoản phí, lệ phí được để lại theo chế độ quy định;

c) Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

d) Các khoản thuế được giao thu hàng năm và được trích lại cho đơn vị;

- Nguồn kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ;

a) Chi mua sắm, chi sửa chữa lớn tài sản cố định;

b) Chi thực hiện các nhiệm vụ có tính chất đột xuất được cấp có thẩm quyền giao;

c) Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia;

d) Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế (nếu có);

đ) Kinh phí đào tạo cán bộ, công chức;

e) Kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh và tổng biên chế hành chính

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về chế độ, định mức, chứng từ quyết toán, trình tự, thủ tục và thời gian quyết toán kinh phí từ ngân sách nhà nước, kinh phí từ tài khoản tiền gửi các loại quỹ công chuyên dùng của xã.

2. Đối tượng điều chỉnh:

Các tổ chức chính trị, tổ chức Chính trị-xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp được Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã giao dự toán chi hoạt động từ ngân sách nhà nước và hoạt động tài chính khác bao gồm: Cán bộ, công chức, , Mặt trận Tổ quốc, Hội nông dân, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên, Ban công an xã, Ban chỉ huy quân sự xã, Hội chữ thập đỏ, Hội người cao tuổi, Văn phòng Đảng ủy, người hoạt động không chuyên trách trong các tổ chức được nêu trên.

3. Tổng biên chế hành chính của xã:

- Biên chế cán bộ, công chức theo quy định là : 22 người, hiện có: 19 người *(01 chức danh kiêm nhiệm Bí thư đảng ủy kiêm chủ tịch HĐND xã)*.

- Cán bộ không chuyên trách cấp xã: 12 người, hiện có: 10 người.

- Cán bộ không chuyên trách cấp xóm: 45 người, hiện có: 37 người *(8 chức danh kiêm nhiệm).*

- Đội dân phòng (Gồm có đội trưởng và đội phó ở 10 xóm): 18 người.

- Nhân viên thú y: 03 người

- Công an xã bán chuyên trách: 09 người

Chương III: QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHỨNG TỪ KẾ TOÁN, TIÊU CHUẨN VÀ ĐỊNH MỨC CHI

I. CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

Điều 6. Chứng từ kế toán

Mọi nghiệp vụ Kinh tế, Tài chính phát sinh có liên quan đến ngân sách và hoạt động Tài chính của xã đều phải lập chứng từ kế toán. Số liệu ghi trên sổ sách kế toán đều phải có chứng từ kế toán hợp pháp, hợp lệ chứng minh.

1. Chứng từ kế toán hợp pháp:

Là chứng từ được lập theo đúng mẫu biểu qui định. Việc ghi chép trên chứng từ phải đúng nội dung, bản chất nghiệp vụ của kinh tế phát sinh và nghiệp vụ kinh tế này phải phù hợp với các qui định của pháp luật. Có đủ chữ ký của người lập, người duyệt, người thực hiện và đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã, tuỳ theo qui định cụ thể của từng chứng từ.

2. Chứng từ hợp lệ:

Là chứng từ được ghi chép đầy đủ các yếu tố, các tiêu thức theo qui định và lập đúng phương pháp, trình tự qui định cho từng chứng từ. Trường hợp không có mẫu thì chứng từ viết tay có đủ các yếu tố quy định cũng được coi là hợp lệ.

3. Chứng từ kế toán không được tẩy xoá và phải có đủ các yếu tố sau:

- Tên và số hiệu của chứng từ .
- Ngày, tháng, năm lập chứng từ.
- Tên đơn vị hoặc cá nhân lập chứng từ.
- Tên đơn vị hoặc cá nhân nhận chứng từ.
- Nội dung nghiệp vụ Kinh tế, Tài chính phát sinh.
- Các chỉ tiêu về số lượng, đơn giá và số tiền của nghiệp vụ kinh tế, Tài chính ghi bằng tổng số tiền của chứng từ kế toán dùng để thu, chi tiền bằng số và bằng chữ.
- Họ và tên, chữ ký của người chịu trách nhiệm lập, người chịu trách nhiệm duyệt chứng từ. Đối với chứng từ do xã lập gửi ra bên ngoài thì phải đóng dấu của UBND xã.

II. CHI THANH TOÁN CÁ NHÂN.

Điều 7. Tiền lương, phụ cấp lương, tiền công.

1. Tiền lương, tiền công.

Tiền lương, tiền công theo quy chế này là toàn bộ các khoản tiền lương, phụ cấp lương, tiền công theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

UBND xã thực hiện việc chi trả lương cho từng người lao động theo cách tính như sau:

	Lương tối thiểu			Hệ số lương chính		
Tiền lương	=	Chung/tháng do Nhà nước	x	và hệ số phụ cấp lương		
Cá nhân		Quy định		của cá nhân		

+ Các khoản phụ cấp khác thực hiện theo quy định hiện hành.

+ Hình thức chi trả: bằng chuyển khoản.

+ Thời gian chi trả: từ ngày 05-25 hàng tháng.

- Tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học tập trung trong nước, thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Nhà nước.

- Cán bộ, công chức nghỉ chế độ ốm đau, thai sảndo cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả theo chế độ quy định.

2. Các khoản phụ cấp.

a) Phụ cấp khu vực, phụ cấp chức vụ, Phụ cấp công vụ, phụ cấp kiêm nhiệm … theo các quy định hiện hành.

b) Phụ cấp làm thêm giờ: Tiền làm thêm giờ chỉ được thanh toán cho những công việc phục vụ nhu cầu thiết yếu của UBND nhưng không hoàn thành trong thời gian làm việc chính thức. Mức chi và cách tính theo Thông tư số: 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Liên Bộ nội vụ - Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/ 5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động. Tiền làm thêm giờ được thanh toán tối đa không vượt quá 4 giờ/ngày làm việc; ngày thứ 7, chủ nhật tối đa không vượt quá 12 giờ/ngày, 30 giờ/tháng; 200 giờ/năm.

c) Phụ cấp cán bộ không chuyên trách xã, xóm thực hiện theo Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh Thái Nguyên Quy định chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xóm, tổ dân phố; số lượng, mức phụ cấp, mức hỗ trợ, mức chi bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

d) Phụ cấp đối với lực lượng Công an xã bán chuyên trách thực hiện theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên Quy định số lượng, mức phụ cấp đối với lực lượng Công an xã bán chuyên trách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

3. Chi tiền công trả cho lao động hợp đồng.

- Chi phương tiện vận chuyển; Thuê thiết bị các loại và chi phí thuê mướn khác: chi theo thực tế khi có nhu cầu thuê mướn…

- Hợp đồng lao động quản lý, trông coi, quét dọn di tích số tiền: 2.000.000đ/năm, thời gian hợp đồng là 01 năm.

4. Tiền thưởng.

Chi thi đua, khen thưởng: Chế độ chi thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Luật Thi đua khen thưởng ngày 15/06/2022; Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày

31/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, nội dung chi:

* Chi in, làm hiện vật khen thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình. (Hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp đồng kinh tế…)

* Các khoản chi khác liên quan trực tiếp cho công tác thi đua, khen thưởng, như: công tác tổ chức, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền phổ biến nhân rộng điển hình tiên tiến; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra; chi tập huấn nghiệp vụ thi đua khen thưởng...

Mức chi tiền thưởng:

+ Tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" được thưởng 0,3 lần mức lương cơ sở;

+ Cá nhân được tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND xấp xã được tặng bằng, khung và kèm theo mức tiền thưởng 0,15 lần mức lương cơ sở;

+ Tập thể được tặng giấy khen được tặng Bằng, khung và kèm theo mức tiền thưởng 0,3 lần mức lương cơ sở

Đối với khen thưởng hoạt động công tác Đảng thực hiện theo Hướng dẫn số 56-HD/VPTW ngày 27/10/2015 của Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn về mức chi tiền thưởng kèm theo các hình thức khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên, mức chi cụ thể như sau:

* Đảng viên được tặng giấy khen của Đảng ủy kèm theo mức tiền thưởng tối đabằng 0,3 lần mức lương cơ sở.

* Chi bộ được tặng giấy khen của Đảng ủy kèm theo mức tiền thưởng tối đa bằng 0,6 lần mức lương cơ sở.

5. Chi kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế: Theo các quy định hiện

III. CHI THANH TOÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ.

Điều 8. Chí phí dịch vụ công cộng.

1. Chi tiền điện:

UBND xã chi trả tiền điện thắp sáng chung cho văn phòng Đảng ủy - HĐND - UBND - UB MTTQ và các đoàn thể, Nhà văn hóa, Công an, quân sự. Đề nghị các phòng sử dụng điện đúng mục đíchvà tiết kiệm.

- Chứng từ thanh toán là hoá đơn điện tử của Chi nhánh điện lực Huyện Định Hóa.

2. Chi phí dịch vụ công cộng khác:

Chi theo từng trường hợp cụ thể khi được Chủ tịch hoặc người được ủy quyền duyệt.

Điều 9. Về sử dụng văn phòng phẩm.

1. Văn phòng UBND dự toán và cung cấp văn phòng phẩm cho các đơn vị theo nhiệm vụ và nhu cầu sử dụng, bao gồm: Bút viết, cặp da, sổ ghi chép, bút chì, bút xóa, dao, kéo, thước kẻ, hồ dán, băng dính, hộp đựng tài liệu....

2. Văn phòng phẩm của các ngành đoàn thể do các ngành đoàn thể đề xuất theo nhu cầu thực tế. Văn phòng phẩm của các chương trình, đề tài, dự án được thực hiện theo dự toán được duyệt của nguồn kinh phí tương ứng và thanh toán theo thực tế phát sinh.

Điều 10. Chi thông tin, tuyên truyền, liên lạc.

+ Thanh toán cước phí sử dụng điện thoại, Internet … căn cứ theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm hiệu quả.

+ Báo chí, ấn phẩm truyền thông: UBND khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan sử dụng báo, thư điện tử. Hàng tháng chỉ đặt báo cho Đại biểu HĐND và Tạp chí QL NQQG. Thanh toán theo chứng từ, hóa đơn thực tế.

Điều 11. Về chế độ chi hội nghịvà công tác phí.

1. Chi hội nghị

Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề; hội nghị sơ kết, tổng kết năm; hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tácdo các cơ quan hành chính nhà nước tổ chức được quy định tại Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Mức chi, nội dung chi Thực hiện theo Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 05/11/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định việc thực hiện chế độ công tác phí, chế độ hội nghị đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên;

- Nội dung chi:

+ Tiền in (hoặc mua) tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ hội nghị.

+ Tiền nước uống giải khát giữa giờ.

+ Chi bù tiền ăn đại biểu không lương.

+ Thuê chỗ nghỉ (trong trường hợp hội nghị cả ngày).

+ Tiền báo cáo viên.

+ Các khoản chi khác: như tiền thuốc chữa bệnh thông thường, trang trí hội trường...theo quy định hiện hành.

**** Mức chi một số nội dung cụ thể như sau:***

+ Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của CQNN, mức chi: 100.000đ/người/ngày.

+ Chi giải khát giữa giờ đại biểu dự hội nghị: mức chi : 20.000đ/người/ buổi.

(Mức chi trên là mức tối đa, khi các bộ phận phát sinh nhiệm vụ chi trình Chủ tịch UBND xã phê duyệt theo khả năng Ngân sách hiện có).

- Đối với tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm (năm chẵn) theo sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước quy định mức chi tiền ăn, số tiền: 100.000đ/người/ ngày và tiền nước, số tiền:20.000đ/người/ buổi. Các khoản chi tiền trang trí, phô tô tài liệu, tiền thuê mướn các phương tiện thanh toán theo hóa đơn thực tế (nếu có).

- Đối với hội nghị học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng, Nhà nước do Đảng ủy xã tổ chức: tùy vào tình hình khả năng cân đối kinh phí được chi tiền hỗ trợ tiền ăn cho đảng viên không phải là cán bộ, công chức, viên chức mức tối đa, số tiền: 100.000đ/người/ngày, Chi giải khát giữa giờ đại biểu dự hội nghị: mức chi tối đa, số tiền:20.000đ/ người/ buổi.

- Chi báo cáo viên mức chi, số tiền:300.000đ/người/buổi.

Ngoài ra đối với các buổi tập huấn, triển khai văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tùy theo tính chất công việc, thời gian chủ tịch UBND xã quyết định mức chi phù hợp nhưng không vượt quá mức chi quy định nêu trên.

Hóa đơn, chứng từ thanh toán chi hội nghị,

-Văn bản, dự trù kinh phí hội nghị được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Hóa đơn, chứng từ hợp pháp và bảng kê thanh toán đối với các khoản chi bằng tiền mặt cho người tham dự hội nghị (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành về hóa đơn, chứng từ thanh toán.

2. Chi công tác phí cho cán bộ, công chức

Thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 05/11/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định việc thực hiện chế độ công tác phí, chế độ hội nghị đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên;Quy định như sau: Phụ cấp lưu trú trả cho người đi công tác từ tuyến tỉnh trở lên, số tiền: 150.000đ/người/ngày; tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác thanh toán theo hóa đơn thực tế nhưng không vượt quá số tiền: 350.000đ/người/ngày.

Chứng từ thanh toán công tác phí

a). Giấy đi đường của người đi công tác có đóng dấu xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi đến công tác (hoặc của khách sạn, nhà khách nơi lưu trú).

b) Văn bản hoặc kế hoạch công tác đã được thủ trưởng cơ quan, đơn vị phê duyệt; công văn; giấy mời; văn bản trưng tập tham gia đoàn công tác.

c) Hóa đơn; chứng từ mua vé hợp pháp theo quy định của pháp luật khi đi công tác bằng các phương tiện giao thông hoặc giấy biên nhận của chủ phương tiện(áp dụng khi thanh toán chi phí đi lại theo thực tế).

d)Bảng kê độ dài quãng đường đi công tác trình thủ trưởng cơ quan, đơn vị duyệt thanh toán (áp dụng khi thanh toán khoán chi phí đi lại).

đ) Hóa đơn, chứng từ thuê phòng nghỉ hợp pháp theo quy định của pháp luật (áp dụng khi thanh toán tiền thuê phòng nghỉ theo hóa đơn thực tế).

Điều 12. Chi tiếp khách

Thực hiện theo Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Thái Nguyên.

- Mức chi tiếp khách như sau:

+ Chi giải khátmức chi không quá số tiền:30.000đ/buổi/ người.

+ Chi mời cơm mức chi không quá số tiền: 300.000đ/suất *(đã bao gồm đồ uống).*

- Thành phần tiếp khách, mức chi do lãnh đạo địa phương xem xét quyết định đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả phù hợp với khả năng ngân sách, đặc điểm của đơn vị.

- Đối tượng mời cơm: Cán bộ lão thành cách mạng; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; các đoàn người có công và thân nhân người có công với cách mạng; các chức sắc tôn giáo; đồng bào là dân tộc thiểu số; Cán bộ, lãnh đạo cấp tỉnh, cấp huyện; lãnh đạo các xã, phường, thị trấn, xóm, tổ dân phố đến làm việc; Khách là các nhà đầu tư đến thăm và làm việc tìm hiểu môi trường đầu tư nhằm tạo điều kiện cho địa phương mở rộng, thu hút các dự án đầu tư; các nhà tài trợ, viện trợ đến thăm và làm việc tại địa phương triển khai các dự án tài trợ, viện trợ cho địa phương.

- Kinh phí tiếp khách được tính vào kinh phí phân bổ cho từng ban ngành.

Điều 13. Chi sửa chữa thường xuyên tài sản cố định.

Bao gồm các khoản sửa chữa máy tính, máy in, máy photocopy và các loại máy móc thiết bị khác. Khi phát sinh các khoản sửa chữa, các phòng thông báo để Văn phòng UBND kiểm tra và lập dự toán sửa chữa. Văn phòng trình Chủ tịch UBND và ký hợp đồng với các đơn vị có đủ năng lực, tư cách pháp nhân để cung cấp dịch vụ sửa chữa. Căn cứ vào khối lượng thực tế, hóa đơn chứng từ hợp pháp Bộ phận Kế toán làm thủ tục thanh toán theo quy định.

Điều 14. Mua sắm tài sản.

Căn cứ theo Thông tư số 58/2016/TT-BTC nngày 29/3/2016 Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chi Tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệpbằng vốn nhà nước; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Quyết định 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng chính phủ về quy định tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc thiết bị;

Việc mua sắm tài sản cố định phải căn cứ vào nhu cầu, tiêu chuẩn, định mức và sự cần thiết phải trang bị thêm hoặc bổ sung các loại tài sản cố định phục vụ cho công việc của cơ quan. Các bộ phận có nhu cầu mua sắm tài sản mới phải xin ý kiến và được sự đồng ý phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Đối với các danh mục mua sắm tài sản tập trung thực hiện theo quy định hiện hành

Điều 15.Thuê mướn và sửa chữa thường xuyên:

- Đối với các khoản chi thuê, mướn: trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc công việc thường xuyên của ngành có nhu cầu thuê mướn như: thuê vận chuyển, thuê sửa chữa, thuê nạo vét cống rãnh thì phải lập hợp đồng, biên bản nghiệm thu khối lượng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn. Hợp đồng phải nêu rõ nội dung, phạm vi và số tiền. Ví dụ như hợp đồng vận chuyển thì ghi rõ nội dung vận chuyển, tuyến đường đi và về bao nhiêu km, số tiền là bao nhiêu...

- Đối với sửa chữa thường xuyên thì lập dự toán trình Chủ tịch UBND xã phê duyệt.

Điều 16. Xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn

- Xây dựng cơ bản: Khi đầu tư xây dựng cơ bản phải lập hồ sơ đúng quy trình về đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định hiện hành.

- Đối với các khoản sửa chữa lớn quy trình thực hiện như đầu tư xây dựng cơ bản.

Điều 17. Chi công tác đào tạo, bồi dưỡng, y tế

1. Chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng:

Thực hiện Theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách có quyết định cử đi học tập, bồi dưỡng của cơ quan có thẩm quyền thì được chi hỗ trợ các khoản quy định như sau:

- Hỗ trợ tiền mua tài liệu học tập: theo chứng từ, hóa đơn thực tế.

2. Chi hỗ trợ y tế gồm: chi hỗ trợ cho hoạt động trong lĩnh vực dân số-kế hoạch hóa gia đình, hỗ trợ truyền thông dân số KHHGĐ.

Điều 18. Chi hỗ trợ, bồi dưỡng như sau

1.Chi sự nghiệp quốc phòng: Thực hiện theo thông tư liên bộ số Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020; Hướng dẫn liên nghành số 3711/HDLN-BCH-SNV-STC-SLĐTB&XH-SKH&ĐT-SYT-BHXH ngày 11/10/2023 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Sở tài chính, Sở lao động thương binh và xã hội, sở khoa học và đầu tư, sở y tế, bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên hướng dẫn thực hiện Đề án xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2035;

- Trợ cấp ngày công lao động, tiền ăn đối với cán bộ chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ và chiến sỹ dân quân tự vệ khi làm nhiệm vụ:

+ Cán bộ chỉ huy đơn vị dân quân và chiến sĩ dân quân khi có Quyết định huy động, điều động tham gia bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện và thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được trợ cấp ngày công lao động và tiền ăn; định mức như sau:

+ Mức trợ cấp ngày công lao động: bằng 0,12 lần mức lương cơ sở/ngày

+ Trợ cấp tiền ăn: Thực hiện theo Thông tư 168/2021/TT-BQP ngày 18/12/2021 của Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn, định lượng ăn và mức tiền ăn cơ bản bộ binh,

quân chủng, binh chủng, bệnh nhân điều trị, học viện quân sự quốc tế, ăn thêm ngày lễ, tết khi làm nhiệm vụ chế độ an, bồi dưỡng hàng năm: 65.000đ/người/ngày

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ- H/ĐND ngày 23/03/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Thái Nguyên thông qua đề án xây dựng lực lượng dân quân tự vệ tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-202, tầm nhìn 2035: Cán bộ chiến sỹ dân quân khi tham gia bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện và thực hiện các nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền được trợ cấp ngày công lao động theo hệ số 0,12 mức lương cơ sở/01 ngày

- Chế độ hội nghị tập huấn chi theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị.

2. Chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND xã:

Thực hiện theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định mức chi hỗ trợ một số chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên:

+ Chi hỗ trợ nghiên cứu tài liệu trong kỳ họp cho đại biểu HĐND: 100.000đ/người/ngày

+ Chi hỗ trợ cho đại biểu mời theo giấy mời của thường trực HĐND: 70.000đ/người/ngày

+ Chi hỗ trợ các cán bộ khác tham gia giúp việc và phục vụ kỳ họp: 50.000đ/người/ngày

+ Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu và bộ phận giúp việc, phục vụ trong những ngày diễn ra kỳ họp: 150.000đ/người/ngày

+ Chi bồi dưỡng chủ toạ kỳ họp: 200.000đ/người/buổi

+ Chi tiền bồi dưỡng thư ký phục vụ kỳ họp, thư ký thảo luận tổ: 70.000đ/người/buổi

+ Chi hỗ trợ hoạt động giám sát, khảo sát của HĐND, TT HĐND, các ban HĐND, tổ đại biểu HĐND:

+ Trưởng đoàn, phó trưởng đoàn: 120.000đ/người/buổi

+ Đại biểu HĐND: 100.000đ người/buổi

+ Thành viên đoàn: 80.000đ người/buổi

+ Cán bộ phục vụ: 50.000đ người/buổi

+ Chi hỗ trợ nghiên cứu tài liệu phục vụ thẩm tra của thường trực HĐND, thành viên các Ban HĐND tại kỳ họp: 100.000đ/người/ngày

+ Chi hỗ trợ các thành viên dự hội nghị thẩm tra của HĐND:

+ Chủ trì hội nghị: 120.000đ/người/buổi

+ Đại biểu HĐND: 100.000đ người/buổi

+ Đại biểu dự hội nghị:80.000đ người/buổi

+ Cán bộ phục vụ: 60.000đ người/buổi

+ Chi hỗ trợ mỗi điểm tiếp xúc cử tri: 700.000đ/điểm

+ Chi tiền hỗ trợ thành phần tham gia tiếp xúc cử tri: (đối với đại biểu HĐND: 100.000đ/người/buổi; đại biểu mời, thư ký hội nghị: 70.000đ/người/buổi; cán bộ giúp việc: 50.000đ/người/buổi),

+ Chi hỗ trợ xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến kiến nghị của cử tri trình tại kỳ họp: 250.000 đ/báo cáo

+ Chi hỗ trợ Đại biểu HĐND tiếp công dân: 100.000đ/người/buổi

+ Chi hỗ trợ may trang phục cho mỗi đại biểu HĐND 2 bộ trang phục/nhiệm kỳ mỗi bộ 2.500.000 đồng. (Hỗ trợ lần 2 là 18 đại biểu x 2.500.000 đồng = 45.000.000 đồng)

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản cho đại biểu HĐND xã tự may trang phục

- Chi thăm hỏi ốm đau, chế độ chi khác được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

3. Chế độ chi tiêu hoạt động của Đảng:

Thực hiện theo Quy định số 3020-QĐ/TU ngày 25/12/2019 của Tỉnh Ủy Thái Nguyên; theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban chấp hành Trung ương ban hành quy định chế độ chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức cơ sở Đảng, Đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở.

a, Chế độ hội nghị: chi theoThông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị.

b) Chi hoạt động khác

Chi văn phòng phẩm, thông tin tuyên truyền, tiếp khách… phục vụ công tác Đảng chi theo thực tế được duyệt

Chế độ chi khác được thực hiện theo quy định hiện hành của Đảng và nhà nước. Căn cứ vào khả năng nguồn ngân sách và được sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị mới được thực hiện.

4.Mức hỗ trợ, mức chi bồi dưỡng hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở xóm thực hiện theo Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh Thái Nguyên Quy định chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xóm, tổ dân phố; số lượng, mức phụ cấp, mức hỗ trợ, mức chi bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

5. Chi tặng quà chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi thực hiện theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định mức quà tặng

chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, theo đó mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ được quy định là:

- Người cao tuổi thọ 85 tuổi được tặng quà gồm hiện vật trị giá 150.000 đồng và 500.000 đồng tiền mặt;

- Người cao tuổi thọ 80 tuổi được tặng quà gồm hiện vật trị giá 100.000 đồng và 400.000 đồng tiền mặt;

- Người cao tuổi thọ 75 tuổi được tặng quà gồm hiện vật trị giá 100.000 đồng và 300.000 đồng tiền mặt;

- Người cao tuổi thọ 70 tuổi được tặng quà gồm hiện vật trị giá 100.000 đồng và 200.000 đồng tiền mặt;

Để đảm bảo quyền lợi tốt nhất và phù hợp với điều kiện, cuộc sống của Người cao tuổi tại địa phương.Sau khi thảo luận giữa Đảng ủy-HĐND-UBND, các ngành đoàn thể và Công đoàn cơ sở xã Tân Thịnh thống nhấtnội dung chi bằng hiện vật sẽ chi bằng tiền mặt, mức chi cụ thể như sau:

- Người cao tuổi thọ 85 tuổi mức chi bằng tiền mặt là: 650.000đ
- Người cao tuổi thọ 80 tuổi mức chi bằng tiền mặt là: 500.00đ
- Người cao tuổi thọ 75 tuổi mức chi bằng tiền mặt là: 400.000đ
- Người cao tuổi thọ 70 tuổi mức chi bằng tiền mặt là: 300.000đ

6. Chi trực phòng chống thiên tai thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên Ban hành quy định nội dung, mức chi phục vụ hoạt động của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và quy chế hoạt động của Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã Tân Thịnh.

Chi tiết như sau:

- Tập huấn, huấn luyện, diễn tập cho các lực lượng tham gia hoạt động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn:

+ Trợ cấp theo ngày cho người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia tập huấn, huấn luyện, diễn tập: Ban ngày 0,12 lần mức lương cơ sở; ban đêm 0,24 lần mức lương cơ sở

- Huy động lực lượng, để xử lý kịp thời các tình huống thiên tai xảy ra:

+ Trợ cấp theo ngày cho người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian được huy động thực hiện nhiệm vụ ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Ban ngày 0,12 lần mức lương cơ sở; ban đêm 0,24 lần mức lương cơ sở;

+ Chi tiền ăn cho các lực lượng trực tiếp được huy động hoặc tự nguyện thực hiện nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn: 50.000 đồng/ngày/người;

+ Chi tặng quà thăm hỏi, động viên cho các tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn có thành tích xuất sắc hoặc bị thương trong khi làm nhiệm vụ: Đối với tập thể 3.000.000 đồng/đơn vị; đối với cá nhân: 300.000 đồng/người;

7. Chi hỗ trợ tổ hòa giải cơ sở thực hiện theo Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ Tài Chính về Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở. Mức chi như sau:

- Chi thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải): Mức chi 200.000 đồng/vụ, việc/ tổ hòa giải.

- Chi hội nghị triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở thực hiện chi theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị.

8. Chi cho công tác xác định dạng tật, mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật theo Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

Bao gồm:

*. Chi văn phòng phẩm; in ấn Giấy xác nhận khuyết tật, biểu mẫu; mua sổ, sách, tài liệu phục vụ cho công tác quản lý. Mức chi thanh toán theo thực tế trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

*. Chi họp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật:

- Chủ tịch Hội đồng tối đa 70.000 đồng/người/buổi;

- Thành viên tham dự tối đa 50.000 đồng/người/buổi;

-Chi nước uống cho người thamdự. Mức chi 10.000 đồng/người/buổi.

* Chi phí Giám định y khoa: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy Giám định y khoa.

*Chi tuyên truyền, phổ biến các văn bản liên quan đến công tác xác định mức độ khuyết tật; chi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các thành viên của Hội đồng thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

9. Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp*(như: hội Da cam, hội Cựu giáo chức, hội khuyến học, hội Đông y, hội Cựu TNXP....)* do thủ trưởng đơn vị quyết định nhưng không vượt quá 3.000.000đ/hội/năm*(Trong năm nếu các hội có phát sinh tổ chức đại hội tổng kết nhiệm kỳ thì mức hỗ trợ không vượt quá 5.000.000đ/hội*) tuỳ thuộcvào khả năng cân đối Ngân sách.

10. Hỗ trợ khác cho các cơ sở xóm như: hỗ trợ tổ chức tết trung thu, tết thiếu nhi, vui xuân, hỗ trợ diễn tập, hỗ trợ chúc thọ mừng thọ, hỗ trợ tập luyện tham gia các giải thể thao …. mức chi tối đa không quá 1.000.000đ/xóm/hoạt động *(trong đó nếu các hoạt động có tổ chức điểm tại các xóm thì xóm tổ chức điểm được hỗ trợ tối đa là: 5.000.000đ/hoạt động)*mức chi cụ thểdo thủ trưởng đơn vị quyết định và tuỳ thuộcvào khả năng Ngân sách.

11. Hỗ trợthực hiện cuộc vận *động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"*cho các khu dân cư thực hiện theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định mức chi hỗ trợ thực hiện cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*" đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên như sau:

+ Chi hỗ trợ đối với khu dân cư: 8.000.000đ/khu dân cư/năm.

+ Chi in Giấy chứng nhận công nhận "Gia đình văn hoá" Theo đơn giá thực tế

+ Tặng thưởng: Danh hiệu "Gia đình văn hóa tiêu biểu" *(trong tổng số "Gia đình văn hóa" được cấp giấy chứng nhận "Gia đình văn hóa" 03 năm liên tục)*: mức thưởng số tiền:100.000đ/ hộ gia đình; Danh hiệu "Khu dân cư tiêu biểu" mức thưởng số tiền: 200.000 đồng/ khu dân cư.

+ Chi in giấy khen " Gia đình văn hóa tiêu biểu", " Khu dân cư tiêu biểu": theo đơn giá thực tế.

- Chi tổ chức ngày Hội Đại đoàn kết toàn dân tộc (ngày 18/11) hàng năm.

- Chi thông tin, tuyên truyền của Ban công tác Mặt trận tại cộng đồng dân cư.

12. Chi hỗ trợ cộng tác viên thú y xã thực hiện theo Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định chính sách hỗ trợ lực lượng nhân viên, cộng tác viên thú y cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, mức hỗ trợ hằng tháng bằng 0,5 lần mức lương cơ sở.

13. Hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng:

a) Người giữ chức danh Đội trưởng đội dân phòng được hưởng mức hỗ trợ hằng tháng bằng 16% lương tối thiểu vùng/người.

b) Người giữ chức danh Đội phó đội dân phòng được hưởng mức hỗ trợ hằng tháng bằng 15% lương tối thiểu vùng/người.

c) Trường hợp Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng đồng thời là người được hưởng phụ cấp hoặc được hỗ trợ hằng tháng từ ngân sách nhà nước do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thì được hưởng mức hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ quy định tại khoản a, khoản bmục này.

14. Các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường thực hiện theo Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên;

15. Hỗ trợđối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy và người cai nghiện ma túy thực hiện theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 10/5/2023 của HĐND tỉnh Thái Nguyên Quy định chính sách hỗ trợ đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy và người cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

16. Chi hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao

- Các chế độ thực hiện theo Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 28/8/2012 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định chế độ quản lý đặc thù đối với đội tuyên truyền lưu động; chế độ chi tiêu tài chính đối với các hoạt động thể thao và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên:

+ Trang phục tập luyện của huấn luyện viên, vận động viên tối đa không quá:

+ Quần áo dài: 300.000 đồng/vận động viên/năm

+ Quần áo cộc: 200.000 đồng/vận động viên/năm

+ Giày ba ta: 240.000 đồng/vận động viên/năm

+ Trang phục thi đấu theo đặc thù từng môn.

- Mua vật tư hàng hóa dùng cho các giải thể thao tại xã chi theo đề xuất của ban tổ chức giải và phê duyệt của Thủ trưởng đơn vị.

- Chế độ hội nghị tập huấn chi theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị.

17. Chi hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân thực hiện theo Thông tư số 63/2017/TT-BTC ngày 19/6/2017 của Bộ Tài Chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

- Nội dung chi: Chi tổ chức cuộc họp, hội nghị; Chi công tác phí phục vụ các cuộc giám sát, xác minh; Chi thù lao trách nhiệm cho các thành viên Ban Thanh tra nhân dân trực tiếp thực hiện công tác thanh tra, giám sát, xác minh vụ việc theo kế hoạch công tác được duyệt; Chi thù lao trách nhiệm cho các thành viên Ban Thanh tra nhân dân hoạt động phối hợp với tổ chức thanh tra nhà nước khi thanh tra tại địa phương, đơn vị (nếu có); Chi mua sắm văn phòng phẩm, cước điện thoại, cước bưu phẩm.

- Mức chi:

+ Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị; chi công tác phí: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

+ Chi bồi dưỡng báo cáo viên trong hội họp; chi thù lao trách nhiệm cho các thành viên Ban Thanh tra nhân dân trực tiếp thực hiện công tác thanh tra theo kế hoạch công tác được duyệt hoặc trong hoạt động phối hợp với tổ chức thanh tra nhà nước khi thanh tra tại địa phương, đơn vị: Mức chi 100.000 đồng/người/ngày.

+ Chi mua sắm văn phòng phẩm, cước điện thoại, cước bưu phẩm, các khoản chi khác: Theo thực tế phát sinh, theo hóa đơn thực tế và trong phạm vi kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân được giao, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và tiết kiệm, hiệu quả.

- Thẩm quyền quyết định mức chi:Trong phạm vi kinh phí được hỗ trợ cho Ban thanh tra nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét duyệt mức chi cho phù hợp đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

18. Chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư cộng đồng thực hiện theo Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; gồm các nội dung chi

- Chi phí mua văn phòng phẩm; thông tin, liên lạc phục vụ giám sát đầu tư của cộng đồng;Chi phí sao chụp, đánh máy, gửi tài liệu, gửi báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng Theo thực tế phát sinh, theo hóa đơn thực tế và trong phạm vi kinh phí hoạt động của Ban được giao, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và tiết kiệm, hiệu quả.

- Chi phí hành chính cho các cuộc họp, hội nghị về giám sát đầu tư của cộng đồng;Chi phí tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn về giám sát đầu tư của cộng đồng Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

- Chi thù lao trách nhiệm cho các thành viên của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.Mức chi 100.000 đồng/người/ngày.

19. Cán bộ, công chức, cán bộ hợp đồng, CB không chuyên trách xã được trang bị sổ, bút, văn phòng phẩm để phục vụ công tác chuyên môn.

20. Hỗ trợ hoạt động các xóm đặc biệt khó khăn: Thực hiện theo thông tư số 49/2012 của BTC ngày 20/3/2012 của Bộ Tài Chính về việc Hướng dẫn việc hỗ trợ kinh phí hoạt động của Chi hội thuộc các tổ chức Chính trị - xã hội thuộc các xã đặc biệt khó khăn

+ Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động của chi hội xóm đặc biệt khó khăn: 2.000.000đ/ chi hội /năm.

21. Chi bồi dưỡng: Chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh: Chi theo nghị quyết số 06/2018 ngày 13/7/2018 của HĐND tỉnh Thái Nguyên: được bồi dưỡng mức 50.000 đồng/người/ngày.

22. Hoạt động thuộc lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội

Thực hiện theo Nghị định số 27/2010/NĐ-CP ngày 24/03/2010 của Chính phủ; Thông tư số 55/2017/TT-BTC ngày 19/5/2017 của Bộ Tài chính; Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018 của Bộ Tài chính; Thông tư số 40/2023/TT-BTC ngày 09/06/2023:

- Mức chi bồi dưỡng cho cán bộ, chiến sỹ trực tiếp tham gia đảm bảo TTATGT ban đêm: 100.000đ/người/ca (01 ca đủ từ 4 giờ trở lên)

- Chi tổ chức khảo sát, xây dựng, thực hiện mô hình tổ chức quần chúng làm nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở:

- Chế độ hội nghị tập huấn chi theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị.

Điều 19 .Phúc lợi tập thể

- Chi trợ cấp khó khăn đột xuất: Quy định tại Điều 3 thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/05/2014 của Bộ tài chính, Bộ nội vụ:

- Đối với cán bộ công chức đang đương nhiệm:

+ Chi thăm hỏi cán bộ, công chức bị ốm nặng nằm viện từ cấp huyện trở lên mức chi thăm hỏi: 300.000 đ/người

+ Chi viếng đám hiếu cán bộ, thân nhân cán bộ công chức mức chi tối đa không quá 500.000đ/người

-Đối với cán bộ, công chức nghỉ hưu, nghỉ mất sức:

+ Chi hỗ trợ cán bộ công chức nghỉ hưu, mất sức lao động mức chi tối đa 4.000.000 đồng/người

- Đối với cán bộ công chức nghỉ theo chế độ tinh giản biên chế theo quy định mức hỗ trợ tối đa 4.000.000 đồng/người

-Đối với cán bộ công chức đã nghỉ hưu đang thường trú tại địa bàn xã:

+ Chi thăm viếng đối với cán bộ nguyên là lãnh đạo Đảng, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân xã mức chi thăm viếng: 500.000đồng/người

- Chi hỗ trợ mỗi đám hiếu công dân trong xã qua đời mức hỗ trợ 200.000 đồng/đối tượng (trường hợp chết tự tử không hỗ trợ)

(Ghi chú: Các khoản chi thăm hỏi không được lặp lại với cùng một cán bộ công chức, mỗi cán bộ công chức chỉ được hưởng một định mức chi chế độ thăm hỏi, trợ cấp)

Chương IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Điều khoản sửa đổi.

Trong quá trình thực hiệncó thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình hoạt động, nhiệm vụ được giao, nguồn thu của UBND và khi có sự thay đổi về các chế độ, tiêu chuẩn, định mức mới ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung của Nhà nước.

+ Trong trường hợp có sự thay đổi về các chế độ, tiêu chuẩn, định mức mới ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung của Nhà nước thì Quy chế này sẽ được áp dụng theo thay đổi của văn bản mới ban hành.

+ Trong trường hợp thay đổi định mức do UBND xã xây dựng cho phù hợp với tình hình hoạt động, nhiệm vụ được giao, nguồn thu của xã thì phải có ý kiến của tổ chức công đoàn.

Lãnh đạo UBND quán triệt trong toàn thể cán bộ, công chức của UBND phải hạn chế tối đa tổ chức các phiên họp, các chuyến đi công tác, dịch vụ thông tin liên lạc

(điện thoại, báo chí, ...) bằng cách khai thác sử dụng triệt để hệ thống trao đổi thông tin qua mạng và điều hành của lãnh đạo trực tiếp qua hệ thống thư điện tử, cập nhật thông tin qua báo điện tử, điều hành tác nghiệp thông qua các hệ thống phần mềm trên nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 21. Điều khoản thi hành.

1.Thực hiện các biện pháp tiết kiệm trong việc sử dụng biên chế và kinh phí quản lý.

2.Quy chế chi tiêu nội bộ này được thống nhất với công đoàn cơ sở và thảo luận rộng rãi công khai tại Hội nghị cán bộ công chức trước khi ban hành.

3.Quy chế có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành và được áp dụng trong niên độ ngân sách năm 2024, mọi quy định trước đây của UBND Tân Thịnhtrái với quy chế chi tiêu nội bộ này đều được bãi bỏ.

4.Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc cần phải bổ sung, sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ thì kiến nghị lãnh đạo UBND xã xem xét, quyết định đưa ra tập thể cơ quan lấy ý kiến để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

5.Tài chính- kế toán có nhiệm vụ theo dõi, lập báo cáo định kỳ hàng quí để tham mưu cho lãnh đạo UBND xã trong việc quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính theo đúng qui định tài chính hiện hành và qui định của quy chế này.

6.Tất cả cán bộ, công chức phải thực hiện nghiêm túc quy chế này.

7.Quy chế này được gửi tới Phòng Tài chính-Kế hoạch, Kho bạc Nhà nước nơi UBND xã mở tài khoản.

Quy chế này gồm 4 chương 21 điều 24 trang, những bộ phận không tách rời và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Văn phòng UBND xã, Ban tài chính, các Ban, các ngành, đoàn thể, đơn vị thụ hưởng ngân sách xã Tân Thịnh chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 QĐ;
- TTĐU, HĐND xã
- Công đoàn xã;
- Phòng tài chính;
- Kho bạc NN Định Hóa;
- Lưu VP, KT

TM. BCH CÔNG ĐOÀN
CHỦ TỊCH

Lường Trọng Trách

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Hòa